HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**
*
Số 4776 -QĐ/HVBCTT-ĐT

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

---

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 1537/QĐ -TTg ngày 22/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Quyết định số 1968/QĐ-HVBCTT ngày 04/6/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 1885-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 17/12/2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026;

Căn cứ kết quả xét tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4711-QĐ/HVBCTT ngày 26/11/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc công nhận điểm trúng tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

## GIÁM ĐỐC-CHỦ TỊCH HĐTS HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2026 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền *(có Danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng các khoa, viện đào tạo trình độ tiến sĩ, các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Học viện CTQGHCM (b/c),
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c),
- Ban Giám đốc Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**Phạm Minh Sơn**

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
**HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**
*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỢT 2 NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số 4776 ngày 27/11/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Hiền Anh | 08.3.1981 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 2 | Bùi Lan Anh | 18.5.1986 | Nghệ An | Báo chí học |
| 3 | Nguyễn Phương Chi | 25.7.2003 | Lào Cai | Báo chí học |
| 4 | Nguyễn Thị Diệp Chi | 30.10.1986 | Nghệ An | Báo chí học |
| 5 | Hà Vân Thảo Dương | 20.4.2000 | Bắc Ninh | Báo chí học |
| 6 | Phạm Minh Duy | 26.01.2001 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 7 | Nguyễn Trần Duy | 05.6.1980 | Lâm Đồng | Báo chí học |
| 8 | Võ Thị Hương Giang | 18.3.1984 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 9 | Bùi Thị Nhung Hà | 07.6.1991 | Phú Thọ | Báo chí học |
| 10 | Đỗ Thị Ngọc Hà | 16.5.1983 | Ninh Bình | Báo chí học |
| 11 | Nguyễn Văn Hào | 15.5.1985 | Ninh Bình | Báo chí học |
| 12 | Lê Ngọc Hiển | 18.12.1992 | Quảng Trị | Báo chí học |
| 13 | Phạm Minh Hùng | 23.5.1990 | Bắc Ninh | Báo chí học |
| 14 | Phạm Gia Khánh | 13.11.1988 | An Giang | Báo chí học |
| 15 | Nguyễn Minh Lập | 30.12.1989 | Ninh Bình | Báo chí học |
| 16 | Trần Ngọc Linh | 15.01.1988 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 17 | Lê Quang Minh | 05.4.1987 | TP Huế | Báo chí học |
| 18 | Tăng Quỳnh Nga | 15.10.1990 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 19 | Vũ Thế Sơn | 22.5.1994 | Ninh Bình | Báo chí học |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 20 | Nguyễn Thuý Tài | 07.9.1993 | An Giang | Báo chí học |
| 21 | Lâm Thị Thắm | 20.9.1983 | Ninh Bình | Báo chí học |
| 22 | Nguyễn Thị Thanh | 05.4.1993 | Hưng Yên | Báo chí học |
| 23 | Ngô Thị Phương Thảo | 14.5.1974 | Phú Thọ | Báo chí học |
| 24 | Nguyễn Hồng Thúy | 04.4.2001 | Phú Thọ | Báo chí học |
| 25 | Trương Thị Hoài Trâm | 04.4.1985 | Hà Tĩnh | Báo chí học |
| 26 | Phan Bá Hải Triều | 17.8.1995 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 27 | Trần Thị Ngân Triều | 24.5.1986 | TP Hồ Chí Minh | Báo chí học |
| 28 | Chu Đức Trung | 07.7.1998 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 29 | Nguyễn Thành Trung | 08.10.1997 | TP Hà Nội | Báo chí học |
| 30 | Nguyễn Tường Vy | 07.4.2004 | Quảng Ninh | Báo chí học |
| 31 | Chung Phương Anh | 28.10.1989 | Thanh Hóa | Chủ nghĩa XHKH |
| 32 | Phạm Văn Đông | 01.1.1988 | Thanh Hóa | Chủ nghĩa XHKH |
| 33 | Đặng Thị Kim Dung | 22.7.1986 | Hưng Yên | Chủ nghĩa XHKH |
| 34 | Nguyễn Thị Dung | 25.02.1980 | Phú Thọ | Chủ nghĩa XHKH |
| 35 | Phạm Quốc Duy | 19.6.1998 | Vĩnh Long | Chủ nghĩa XHKH |
| 36 | Phạm Bích Hằng | 12.6.1986 | Thái Nguyên | Chủ nghĩa XHKH |
| 37 | Vũ Thị Huệ | 15.7.1986 | Hải Phòng | Chủ nghĩa XHKH |
| 38 | Nguyễn Thị Như Ngọc | 30.6.1994 | Ninh Bình | Chủ nghĩa XHKH |
| 39 | Vũ Thị Minh Nguyệt | 03.12.1991 | Quảng Ninh | Chủ nghĩa XHKH |
| 40 | Đoàn Phạm Quỳnh Như Như | 10.10.1985 | Cần Thơ | Chủ nghĩa XHKH |
| 41 | Chung Tiến Phát | 26.7.1997 | Thanh Hóa | Chủ nghĩa XHKH |
| 42 | Vũ Thị Thanh Phúc | 12.6.1980 | Bắc Ninh | Chủ nghĩa XHKH |
| 43 | Phạm Thị Vân | 20.12.1980 | Lâm Đồng | Chủ nghĩa XHKH |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 44 | Nguyễn Hồng Anh | 21.7.2003 | Quảng Ninh | Lịch sử Đảng CSVN |
| 45 | Lê Quang Chung | 15.1.1988 | Quảng Trị | Lịch sử Đảng CSVN |
| 46 | Nguyễn Thị Hoa | 16.4.1985 | Điện Biên | Lịch sử Đảng CSVN |
| 47 | Nguyễn Thị Xuân Hòa | 23.6.1980 | Vĩnh Phúc | Lịch sử Đảng CSVN |
| 48 | Nguyễn Thị Liên | 07.01.1982 | Hải Phòng | Lịch sử Đảng CSVN |
| 49 | Huỳnh Phương Nghi | 14.10.1986 | Đồng tháp | Lịch sử Đảng CSVN |
| 50 | Trần Thị Mỹ Ngọc | 05.3.1982 | TP Huế | Lịch sử Đảng CSVN |
| 51 | Nguyễn Thị Thu Phương | 06.7.1989 | Thái Nguyên | Lịch sử Đảng CSVN |
| 52 | Hoàng Dương Minh Tâm | 06.01.1988 | TP Hồ Chí Minh | Lịch sử Đảng CSVN |
| 53 | Vũ Thị Trang | 05.3.1989 | Hưng Yên | Lịch sử Đảng CSVN |
| 54 | Nguyễn Thị Hải Yến | 10.10.1991 | TP Hà Nội | Lịch sử Đảng CSVN |
| 55 | Nguyễn Thị Thúy Châm | 18.9.1985 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 56 | Cao Bá Đạt | 02.12.1997 | Bắc Ninh | Chính trị phát triển |
| 57 | Nguyễn Thị Hạnh | 20.10.1991 | Thanh Hóa | Chính trị phát triển |
| 58 | Nguyễn Vũ Khánh Hoa | 19.5.2001 | Nghệ An | Chính trị phát triển |
| 59 | Nguyễn Quang Học | 20.12.1989 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 60 | Nguyễn Thanh Hương | 05.9.1992 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 61 | Lê Thị Lệ Huyền | 28.6.1979 | Quảng Ngãi | Chính trị phát triển |
| 62 | Đào Duy Khánh | 02.9.1992 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 63 | Nguyễn Trung Hoàng Nam | 05.01.2002 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 64 | Nguyễn Thu Nga | 19.11.1984 | TP Hồ Chí Minh | Chính trị phát triển |
| 65 | Ngô Thế Nghị | 22.12.1988 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 66 | Hà Sỹ Nguyên | 25.4.1977 | Thanh Hóa | Chính trị phát triển |
| 67 | Bùi Hữu Phước | 19.12.1998 | Ninh Bình | Chính trị phát triển |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 68 | Nguyễn Lan Phương | 09.11.1987 | Quảng Ninh | Chính trị phát triển |
| 69 | Phạm Hữu Quang | 11.8.1977 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 70 | Lê Văn Quyền | 07.6.1992 | Thanh Hóa | Chính trị phát triển |
| 71 | Lưu Văn Thắng | 10.01.1990 | Bắc Ninh | Chính trị phát triển |
| 72 | Nguyễn Thị Hoài Thu | 04.4.1983 | Hưng Yên | Chính trị phát triển |
| 73 | Nguyễn Kiều Trang | 10.4.2000 | Phú Thọ | Chính trị phát triển |
| 74 | Hoàng Minh Tuấn | 05.6.1980 | Lạng Sơn | Chính trị phát triển |
| 75 | Nguyễn Thị Thuý Vân | 24.6.1976 | TP Hà Nội | Chính trị phát triển |
| 76 | Trương Khánh Vọng | 20.5.1986 | Hà Tĩnh | Chính trị phát triển |
| 77 | Hồ Hà Chi | 01.10.2000 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 78 | Nguyễn Thị Linh Chi | 10.6.2001 | Hải Phòng | Công tác tư tưởng |
| 79 | Phạm Hà Chinh | 12.11.1996 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 80 | Nguyễn Tiến Đồng | 01.2.1973 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 81 | Lê Thị Dung | 17.12.1995 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 82 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 27.02.1993 | Phú Thọ | Công tác tư tưởng |
| 83 | Nguyễn Văn Sơn | 25.10.1987 | Vĩnh Long | Công tác tư tưởng |
| 84 | Đinh Thị Thảo | 18.7.1997 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 85 | Vũ Thị Hương Trà | 26.3.2002 | TP Hà Nội | Công tác tư tưởng |
| 86 | Nguyễn Tuấn Anh | 28.10.1976 | Hải phòng | Quan hệ công chúng |
| 87 | Nguyễn Hoàng Việt Anh | 01.9.1987 | Bắc Ninh | Quan hệ công chúng |
| 88 | Lại Nguyệt Ánh | 04.9.2002 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 89 | Phan Thị Mỹ Châu | 15.7.1979 | Đồng Nai | Quan hệ công chúng |
| 90 | Vũ Ngọc Huyền Chi | 21.01.1998 | Quảng Ninh | Quan hệ công chúng |
| 91 | Nguyễn Văn Cường | 04.9.1995 | Vĩnh Long | Quan hệ công chúng |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 92 | Vũ Hoàng Dũng | 14.10.1998 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 93 | Phạm Văn Dũng | 02.5.1987 | Lâm Đồng | Quan hệ công chúng |
| 94 | Nguyễn Thị Thùy Dương | 04.3.1983 | Hưng Yên | Quan hệ công chúng |
| 95 | Phan Thị Thuỳ Dương | 17.11.1990 | Quảng Trị | Quan hệ công chúng |
| 96 | Trần Hà Giang | 20.01.1992 | Cần Thơ | Quan hệ công chúng |
| 97 | Vũ Thị Hoàng Hà | 01.10.1998 | Quảng Ninh | Quan hệ công chúng |
| 98 | Trần Quang Hà | 12.6.2002 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 99 | Ngô Thu Hà | 09.10.2000 | Bắc Ninh | Quan hệ công chúng |
| 100 | Bùi Hồng Hải | 10.10.1988 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 101 | Tạ Thị Hằng | 05.9.1995 | Thái Nguyên | Quan hệ công chúng |
| 102 | Đỗ Thu Hằng | 14.3.1994 | Thái Nguyên | Quan hệ công chúng |
| 103 | Nguyễn Mỹ Hoa | 10.11.2000 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 104 | Phạm Ngọc Diệu Hương | 30.3.1996 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 105 | Nguyễn Thế Kỷ | 02.1.2001 | Ninh Bình | Quan hệ công chúng |
| 106 | Trương Thị Mỹ Liên | 10.11.1995 | Quảng Ngãi | Quan hệ công chúng |
| 107 | Nguyễn Trần Vĩnh Linh | 01.5.1970 | Đồng Nai | Quan hệ công chúng |
| 108 | Đặng Thanh Mai | 22.9.1984 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 109 | Nguyễn Thị Hàn Mi | 21.5.1997 | TP Đà Nẵng | Quan hệ công chúng |
| 110 | Trương Khải Minh | 30.12.1994 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 111 | Doãn Hà My | 20.6.2000 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 112 | Nguyễn Thị Hoàng Nga | 21.01.1990 | Lâm Đồng | Quan hệ công chúng |
| 113 | Lê Lan Ngọc | 13.6.1991 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 114 | Nguyễn Yến Nhi | 08.12.1985 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 115 | Phạm Thị Hồng Nhung | 27.8.1991 | Phú Thọ | Quan hệ công chúng |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 116 | Danh Phi Phụng | 04.02.1993 | An Giang | Quan hệ công chúng |
| 117 | Đặng Hồng Quảng | 26.9.1987 | Quảng Ninh | Quan hệ công chúng |
| 118 | Nguyễn Đức Trường Sơn | 10.9.1985 | Quảng Trị | Quan hệ công chúng |
| 119 | Lê Văn Thắng | 28.02.1995 | Đà Nẵng | Quan hệ công chúng |
| 120 | Hà Thanh Thư | 13.2.1994 | Lào Cai | Quan hệ công chúng |
| 121 | Kiều Thị Dương Thủy | 02.6.1992 | Ninh Bình | Quan hệ công chúng |
| 122 | Nguyễn Văn Thủy | 13.3.1982 | Thanh Hoá | Quan hệ công chúng |
| 123 | Đoàn Thị Trà | 23.7.1996 | Hưng Yên | Quan hệ công chúng |
| 124 | Dương Thùy Trâm | 15.7.1990 | Đà Nẵng | Quan hệ công chúng |
| 125 | Vũ Thị Kiều Trang | 25.01.1992 | TP Hà Nội | Quan hệ công chúng |
| 126 | Nguyễn Minh Triết | 06.01.1982 | Long An | Quan hệ công chúng |
| 127 | Phan Nguyễn Cẩm Tú | 26.5.1986 | TP Huế | Quan hệ công chúng |
| 128 | Nguyễn Thị Phương Uyên | 19.8.2000 | Thanh Hoá | Quan hệ công chúng |
| 129 | Nguyễn Ngọc Phương Đông | 16.3.1990 | TP Hà Nội | Triết học |
| 130 | Đoàn Thị Duyên | 19.4.1981 | Phú Thọ | Triết học |
| 131 | Đàm Thị Hạnh | 08.3.1991 | Thái Nguyên | Triết học |
| 132 | Bùi Thị Thanh Huyền | 07.6.1981 | Phú Thọ | Triết học |
| 133 | Lê Hữu Lợi | 15.01.1989 | An Giang | Triết học |
| 134 | Nguyễn Trần Thảo Nhi | 15.10.2001 | Hà Tĩnh | Triết học |
| 135 | Đinh Thị Phượng | 06.5.1988 | Phú Thọ | Triết học |
| 136 | Vũ Thị Tâm | 21.6.1996 | Tuyên Quang | Triết học |
| 137 | Phạm Bá Thịnh | 24.4.1985 | Thanh Hoá | Triết học |
| 138 | Phan Thị Phương Trinh | 18.5.2003 | Hưng Yên | Triết học |
| 139 | Nguyễn Đức Việt | 29.10.2000 | TP Hà Nội | Triết học |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 140 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | 24.01.1978 | Hà Tĩnh | Triết học |
| 141 | Vũ Tùng Anh | 01.12.1984 | Hải Phòng | XDĐ & CQNN |
| 142 | Lê Đức Chín | 28.7.1989 | Quảng Bình | XDĐ & CQNN |
| 143 | Lò Thùy Dinh | 05.02.1992 | Điện Biên | XDĐ & CQNN |
| 144 | Chẩu Đình Dương | 10.9.1992 | Tuyên Quang | XDĐ & CQNN |
| 145 | Trần Lê Khánh Duy | 15.01.1999 | Đồng Tháp | XDĐ & CQNN |
| 146 | Đặng Thị Ngọc Giàu | 02.6.1991 | Cần Thơ | XDĐ & CQNN |
| 147 | Lò Thị Hương Hà | 27.4.1988 | Điện Biên | XDĐ & CQNN |
| 148 | Nguyễn Thy Hạ | 27.01.1995 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |
| 149 | Tôn Ngọc Hạnh | 29.8.1980 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |
| 150 | Trần Thị Hiền | 10.11.1980 | TP Hải Phòng | XDĐ & CQNN |
| 151 | Lò Thị Hương | 10.02.1985 | Điện Biên | XDĐ & CQNN |
| 152 | Lê Thị Hường | 21.08.1989 | Thái Nguyên | XDĐ & CQNN |
| 153 | Trần Thị Thanh Huyền | 20.06.1986 | Thái Nguyên | XDĐ & CQNN |
| 154 | Trần Phương Khanh | 12.10.1999 | TP Hà Nội | XDĐ & CQNN |
| 155 | Đặng Thị Loan | 30.01.1984 | TP Hà Nội | XDĐ & CQNN |
| 156 | Nguyễn Thành Luân | 05.8.1988 | TP Hà Nội | XDĐ & CQNN |
| 157 | Trần Phong Lưu | 05.01.1989 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |
| 158 | Lê Minh Mẫn | 04.11.1986 | Đồng Tháp | XDĐ & CQNN |
| 159 | Nguyễn Trần Minh | 21.10.1999 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |
| 160 | Nguyễn Văn Tuấn Minh | 18.6.2002 | Khánh Hòa | XDĐ & CQNN |
| 161 | Đinh Quang Minh | 09.3.2002 | TP Hà Nội | XDĐ & CQNN |
| 162 | Nguyễn Thị Ái Mỹ | 14.5.1985 | Vĩnh Long | XDĐ & CQNN |
| 163 | Trần Minh Nghĩa | 18.6.1979 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Ngành/chuyên ngành |
|---|---|---|---|---|
| 164 | Trần Thị Hồng Ngọc | 05.6.1989 | Sơn La | XDĐ & CQNN |
| 165 | Trương Trung Quyên | 04.8.1996 | Vĩnh Long | XDĐ & CQNN |
| 166 | Bùi Thị Phương Thảo | 03.6.1997 | Lào Cai | XDĐ & CQNN |
| 167 | Hoàng Hoài Thương | 12.8.1991 | Sơn La | XDĐ & CQNN |
| 168 | Hán Thị Hạnh Thúy | 14.4.1979 | Tuyên Quang | XDĐ & CQNN |
| 169 | Mai Thị Thủy | 02.5.1987 | Ninh Bình | XDĐ & CQNN |
| 170 | Tạ Ngọc Thủy | 27.3.1980 | Hưng Yên | XDĐ & CQNN |
| 171 | Nguyễn Thị Thuỳ Trang | 29.7.1991 | TP Hà Nội | XDĐ & CQNN |
| 172 | Đỗ Công Tuân | 28.8.1990 | Bắc Ninh | XDĐ & CQNN |
| 173 | Lê Huy Tuấn | 02.3.1982 | Thanh Hoá | XDĐ & CQNN |
| 174 | Trần Phương Uyên | 14.8.1996 | TP Hồ Chí Minh | XDĐ & CQNN |
| 175 | Nguyễn Thị Bạch Yến | 29.8.1983 | Phú Thọ | XDĐ & CQNN |
| 176 | Khúc Thị Kim Ngân | 02.12.1999 | TP Hà Nội | Xuất bản |
| 177 | Tống Đức Quảng | 30.12.1983 | Ninh Bình | Xuất bản |

**Tổng số: 177 thí sinh**